

Unit 1: MY FRIENDS

Period 3: SPEAK & LISTEN

Vocabulary

How do you do? → How do you do?	Xin chào
Pleasure (n) → It's a pleasure to meet you (exp.)	Niềm vui thích, điều thú vị → được giúp bạn là niềm vui của tôi
Build (n/v)	Dáng vóc, xây dựng
slim (adj)	người thanh, mảnh dẻ
straight (adj)	thẳng
curly (adj)	quăn, xoắn
bald (adj)	hói
fair (adj)	trắng (da), vàng nhạt (tóc)
blond (adj) = blonde	vàng hoe

Remember:

Hỏi về hình dáng bên ngoài:

What does he/she look like ?

→ She/he is tall and thin (S + be + adjectives)

→ She/he has short black hair (S + have / has + adjectives + hair)

WORD FORM

1/ N (danh từ)

- Sau a/ an / the / some / many + N
- Đứng sau các đại từ sở hữu: my / your / their / our / his / her/ its + N
- Đứng giữa 2 giới từ: in / on / of / from ...+ N + in / on / of / from ..
- Sau tính từ : ... adj + N ...
- One of / many + danh từ số nhiều

2/ Adj (tính từ)

- Trước danh từ: ... adj + N
- Sau trạng từ: be + adv (very / quite/ rather/ ...) + adj
- Sau: be+ adj ..
- Sau : look / seem /feel-felt / sound / taste/ get / got / become / became...+ Adj
- Sau: make / find + O + adj

3/ Adv (trạng từ)

- Trong câu có động từ thường: V ...+ Adv
- Đứng trước tính từ: be+ adv + adj
- Đứng đầu câu: Adv, ...

Notes:

+ Trước “danh” là “tính”; trước “tính” là “trạng”

+ Xem trước khoảng trắng và sau khoảng trắng → để xác định nó là N, Adj hay Adv

E.g.

1. love (n/v) : yêu thương
→ lovely (adj) : dễ thương, đáng yêu
2. humor (n) : óc hài hước
→ humorous (adj) : hài hước
3. exhibit (v) : triển lãm
→ exhibition (n) : cuộc triển lãm
4. fortunate (adj) : may mắn
→ fortunately (adv) : may mắn # unfortunately (adv) : không may

1. There was **an** _____ (N) _____ of paintings at the Art Gallery. (exhibit) → **exhibition**
2. She is beautiful with **a** _____ (adj) _____ **smile**. (love) → **lovely**
3. L.A. Hill is **a** _____ (adj) _____ **writer**. (humor) → **humorous**
4. _____ (Adv) _____, dark clouds soon appeared and it began to rain. (fortunate) → **Unfortunately**

*** EXERCISES****Complete the sentences with the correct word form**

1. Each of my friends has a _____ character. (differ)
2. Nam is very _____, kind and generous. (social)
3. My uncle often spends his free time doing volunteer work at a local _____. (orphan)
4. People in my country are very warm and _____. (friend)
5. An _____ is a child whose parents are dead. (orphanage)
6. L.A. Hill is a _____ writer. (humor)
7. I'm _____ sorry for the delay. (extreme)
8. She looks more _____ than her sister. (beauty)
9. They were very _____ to survive a shipwreck. (luck)
10. I love the _____ of summer evenings in the countryside. (peaceful)
11. Those cats look _____. (love)
12. I'm _____ to have a friend like you. (luck)
13. Bao and Khai take part in _____ activities after school hours. (difference)
14. Rose felt _____ unhappy about losing her job. (extreme)
15. Hoa seems _____ when she tells me about her family. (happily)
16. _____, she has just passed her exam. (lucky)
17. She is a _____ singer and she sings _____. (beauty)
18. My parents enjoy the _____ of the country. (peaceful)
19. I like her very much because she's always _____. (social)
20. It's _____ I got here before the rain started. (luck)
21. His home village is _____. (peace)
22. She is very _____ to his mother. (help)
23. Emily is _____ from her sister. (differ)
24. We try to teach the kids the _____ between right and wrong. (different)